

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2019

V/v: “*Tranh chấp của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Minh;

2. Ông Hồ Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Dương Nguyên Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 906/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về: “*Tranh chấp của nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1974 (vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm: 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 11 tháng 10 năm 2018 và qua làm việc tại Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Lê Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, có tìm hiểu nhau trước, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, không có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng phai nhạt, dẫn đến nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Vợ chồng không bàn việc đoàn tụ gia đình, mạnh ai nấy sống. Nay chị cảm thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa do vợ chồng đã hết tình cảm, nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên Lê Tuấn Vũ, sinh năm 1999, đã thành niên, có khả năng tự lao động được, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/4/2019, chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt do bận công việc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh không đến Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn Đ là vợ chồng; Về con chung: anh chị có 01 con chung tên Lê Tuấn Vũ, sinh năm 1999, đã thành niên, có khả năng lao động tự sinh sống được, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 17/4/2019, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn là anh Lê Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm và không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh Đ sống chung với nhau vào năm 1998, không tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị P có yêu cầu ly hôn, anh Đ có đồng ý ly hôn hay không đồng ý, Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho ly hôn, mà trường hợp của anh chị chỉ áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 của Quốc hội khóa X ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung, tên Lê Tuấn Vũ, sinh năm 1999, đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các điều 53, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội khóa X ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Lê Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung, tên Lê Tuấn Vũ, sinh năm 1999, đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008541 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Hiệp Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thùy Trang

